

**BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TBV24B1  
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025**

| STT | MSHS          | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Giáo dục QP - An ninh(2) | Giáo dục thể chất(1) | Kỹ năng mềm(2) | Động vật hại nông nghiệp(1) | Sinh lý thực vật - Giống CT(4) | ĐTPH dịch hại cây trồng(4) | Phương pháp thí nghiệm(2) | Điểm TB | Xếp loại   |
|-----|---------------|------------------|--------|------------|--------------------------|----------------------|----------------|-----------------------------|--------------------------------|----------------------------|---------------------------|---------|------------|
| 01  | 2456201160214 | Trần Duy         | Bảo    | 04/05/2009 | 9.2                      | 9.0                  | 6.3            | 7.0                         | 7.5                            | 7.9                        | 8.9                       | 7.6     | Khá        |
| 02  | 2456201160215 | Lê Hoàng         | Bình   | 15/10/2009 | 9.5                      | 9.3                  | 6.7            | 6.2                         | 6.3                            | 6.6                        | 9.2                       | 6.9     | Trung bình |
| 03  | 2456201160216 | La Thị Ngọc      | Diệp   | 17/12/2009 | 8.5                      | 9.0                  | 7.6            | 6.2                         | 8.1                            | 7.3                        | 7.9                       | 7.6     | Khá        |
| 04  | 2456201160217 | Bùi Thanh        | Duy    | 06/08/2006 | 9.4                      | 9.4                  | 8.2            | 9.0                         | 9.7                            | 9.6                        | 9.6                       | 9.4     | Xuất sắc   |
| 05  | 2456201160218 | Tô Hùng          | Duy    | 21/04/2008 | 8.9                      | 7.8                  | 7.9            | 6.2                         | 6.8                            | 9.0                        | 8.8                       | 7.9     | Khá        |
| 06  | 2456201160219 | Trương Thanh     | Duy    | 19/09/1999 | 10.0                     | 9.8                  | 9.5            | 9.6                         | 9.6                            | 9.8                        | 9.6                       | 9.6     | Xuất sắc   |
| 07  | 2456201160220 | Nguyễn Thái Tiến | Đạt    | 05/05/2008 | 9.1                      | 7.8                  | 8.2            | 7.1                         | 9.2                            | 9.0                        | 8.5                       | 8.7     | Giỏi       |
| 08  | 2456201160221 | Võ Trần Duy      | Đô     | 23/12/2006 | 9.8                      | 9.8                  | 7.9            | 6.4                         | 8.4                            | 9.8                        | 9.6                       | 8.8     | Giỏi       |
| 09  | 2456201160222 | Hoa Quốc         | Hào    | 19/12/2009 | 9.2                      | 6.8                  | 5.6            | 3.1                         | 8.0                            | 5.8                        | 8.9                       | 6.7     | Trung bình |
| 10  | 2456201160223 | Hồ Đăng          | Hùng   | 31/07/2009 | 7.3                      | 7.0                  | 5.4            | 3.1                         | 6.9                            | 5.7                        | 7.1                       | 6.0     | Trung bình |
| 11  | 2456201160224 | Đồng Hiếu        | Khang  | 03/11/2009 | 8.0                      | 6.3                  | 5.8            | 2.3                         | 6.0                            | 5.3                        | 6.8                       | 5.6     | Trung bình |
| 12  | 2456201160225 | Nguyễn Quốc      | Khanh  | 02/08/2006 | 0.0                      | 0.0                  | 0.0            | 0.0                         | 0.0                            | 0.0                        | 0.0                       | 0.0     | Yếu        |
| 13  | 2456201160226 | Nguyễn Chí       | Khiết  | 12/07/2006 | 9.7                      | 9.3                  | 8.8            | 9.1                         | 9.3                            | 8.9                        | 9.6                       | 9.1     | Xuất sắc   |
| 14  | 2456201160227 | Lâm Tuấn         | Kiệt   | 09/02/2006 | 9.7                      | 8.2                  | 8.2            | 6.8                         | 9.0                            | 8.1                        | 9.0                       | 8.4     | Giỏi       |
| 15  | 2456201160228 | Trương Ngọc      | Lễ     | 09/11/2009 | 8.2                      | 8.1                  | 6.1            | 6.2                         | 9.5                            | 5.3                        | 7.8                       | 7.2     | Khá        |
| 16  | 2456201160229 | Trần Phước       | Lĩnh   | 20/12/2009 | 8.0                      | 6.9                  | 6.0            | 3.7                         | 6.0                            | 3.2                        | 6.4                       | 5.0     | Trung bình |
| 17  | 2456201160230 | Ngô Phước        | Lộc    | 11/01/2005 | 8.8                      | 8.5                  | 7.8            | 5.0                         | 9.3                            | 4.3                        | 8.8                       | 7.1     | Khá        |
| 18  | 2456201160231 | Nguyễn Quang     | Minh   | 25/10/2009 | 7.9                      | 5.2                  | 5.8            | 5.5                         | 7.2                            | 2.9                        | 5.4                       | 5.3     | Trung bình |
| 19  | 2456201160232 | Lâm Thị Mỹ       | Ngân   | 07/12/2007 | 8.7                      | 5.9                  | 7.7            | 5.3                         | 8.7                            | 5.5                        | 9.0                       | 7.3     | Khá        |
| 20  | 2456201160233 | Nguyễn Phạm Kim  | Nguyên | 08/01/2009 | 7.7                      | 5.8                  | 7.7            | 6.1                         | 8.9                            | 5.2                        | 9.0                       | 7.4     | Khá        |
| 21  | 2456201160234 | Nguyễn Thị Minh  | Nguyệt | 29/06/2009 | 9.4                      | 6.1                  | 6.8            | 6.0                         | 9.1                            | 5.2                        | 9.0                       | 7.3     | Khá        |

| STT | MSHS          | Họ và tên      |        | Ngày sinh  | Giáo dục QP - An ninh(2) | Giáo dục thể chất(1) | Kỹ năng mềm(2) | Động vật hại nông nghiệp(1) | Sinh lý thực vật - Giống CT(4) | ĐTPH dịch hại cây trồng(4) | Phương pháp thí nghiệm(2) | Điểm TB    | Xếp loại   |
|-----|---------------|----------------|--------|------------|--------------------------|----------------------|----------------|-----------------------------|--------------------------------|----------------------------|---------------------------|------------|------------|
| 22  | 2456201160235 | Lê Thị Huyền   | Nhi    | 03/10/2004 | 9.8                      | 7.0                  | 8.9            | 8.6                         | 9.7                            | 8.8                        | 9.2                       | <b>9.1</b> | Xuất sắc   |
| 23  | 2456201160236 | Nguyễn Trọng   | Phúc   | 28/08/2009 | 5.7                      | 8.0                  | 6.3            | 5.0                         | 8.6                            | 5.3                        | 8.4                       | <b>6.9</b> | Trung bình |
| 24  | 2456201160237 | Phan Huỳnh Hữu | Phúc   | 01/12/2009 | 7.0                      | 8.0                  | 5.8            | 4.3                         | 5.4                            | 5.9                        | 7.4                       | <b>5.8</b> | Trung bình |
| 25  | 2456201160238 | Đoàn Minh      | Phước  | 26/09/2009 | 6.3                      | 8.4                  | 6.2            | 4.7                         | 7.7                            | 5.6                        | 4.9                       | <b>6.2</b> | Trung bình |
| 26  | 2456201160239 | Nguyễn Gia     | Phước  | 03/09/2009 | 0.0                      | 0.0                  | 0.0            | 0.0                         | 0.0                            | 0.0                        | 0.0                       | <b>0.0</b> | Yếu        |
| 27  | 2456201160240 | Lê Thị Thu     | Quỳnh  | 27/01/2009 | 7.0                      | 7.2                  | 6.0            | 3.4                         | 6.7                            | 5.8                        | 7.4                       | <b>6.2</b> | Trung bình |
| 28  | 2456201160241 | Đỗ Thanh       | Sang   | 03/12/2008 | 7.7                      | 9.0                  | 6.0            | 4.9                         | 7.1                            | 4.4                        | 7.7                       | <b>6.0</b> | Trung bình |
| 29  | 2456201160242 | Phạm Quang     | Sử     | 04/07/2009 | 8.3                      | 8.4                  | 6.1            | 6.1                         | 7.1                            | 3.1                        | 7.6                       | <b>5.7</b> | Trung bình |
| 30  | 2456201160243 | Đặng Thành     | Tánh   | 30/12/2006 | 10.0                     | 9.0                  | 9.0            | 9.4                         | 9.5                            | 9.7                        | 9.3                       | <b>9.4</b> | Xuất sắc   |
| 31  | 2456201160244 | Trần Thiện     | Tâm    | 25/01/2008 | 8.7                      | 7.5                  | 6.5            | 8.3                         | 9.0                            | 5.1                        | 7.2                       | <b>7.1</b> | Khá        |
| 32  | 2456201160245 | Đặng Chí       | Thảo   | 29/04/2009 | 8.0                      | 9.1                  | 6.8            | 7.0                         | 8.8                            | 7.8                        | 8.5                       | <b>8.0</b> | Giỏi       |
| 33  | 2456201160246 | Nguyễn Trung   | Thắng  | 31/07/2008 | 9.2                      | 9.5                  | 6.0            | 8.5                         | 7.8                            | 9.0                        | 8.5                       | <b>8.1</b> | Giỏi       |
| 34  | 2456201160247 | Nguyễn Chí     | Thiện  | 26/08/2006 | 10.0                     | 9.3                  | 8.1            | 9.4                         | 9.3                            | 9.8                        | 9.6                       | <b>9.3</b> | Xuất sắc   |
| 35  | 2456201160248 | Nguyễn Phú     | Thuận  | 12/05/2009 | 7.4                      | 7.4                  | 6.9            | 4.5                         | 5.9                            | 8.0                        | 6.5                       | <b>6.7</b> | Trung bình |
| 36  | 2456201160249 | Nguyễn Minh    | Thương | 28/10/2009 | 8.9                      | 7.0                  | 6.3            | 6.8                         | 8.9                            | 6.7                        | 9.6                       | <b>7.8</b> | Khá        |
| 37  | 2456201160250 | Phạm Thị Cẩm   | Tiên   | 27/02/2009 | 5.7                      | 7.2                  | 6.1            | 4.4                         | 8.2                            | 4.3                        | 9.3                       | <b>6.6</b> | Trung bình |
| 38  | 2456201160251 | Nguyễn Công    | Vinh   | 07/01/2009 | 8.9                      | 7.6                  | 6.4            | 8.8                         | 7.6                            | 5.9                        | 8.1                       | <b>7.1</b> | Khá        |

Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.

**TL. HIỆU TRƯỞNG**  
**TP. Đào tạo**

Châu Đốc, ngày 06 tháng 02 năm 2025  
**Người lập bảng**

**Ths. Trần Thanh Dũng**

**Trần Quốc Thái**